

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 01/1998/TT-BNN-
PTLNI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 1 năm 1998

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1124/1997-QĐ-TTg ngày 25/12/1997
của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản và nhập khẩu gỗ
nguyên liệu***

Thực hiện khoản 2, Điều 6 Quyết định số 1124/1997/QĐ-TTg ngày 25/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ, sau khi thống nhất với Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện như sau:

I. VỀ TÀI LIỆU CHỨNG MINH NGUỒN GỐC GỖ NGUYÊN LIỆU ĐỂ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN CHO SẢN PHẨM GỖ XUẤT KHẨU:

A. ĐỐI VỚI GỖ RỪNG TỰ NHIÊN TRONG NƯỚC:

- Nếu sử dụng gỗ từ nhóm 3 đến nhóm 8 theo bảng phân loại gỗ tạm thời ban hành kèm theo Quyết định số 2198/CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) thì cần có văn bản xác nhận của Chi cục Kiểm lâm sở tại về nguồn gốc hợp pháp được đưa vào sản xuất hàng xuất khẩu và hợp đồng mua bán gỗ kèm theo hoá đơn của Bộ Tài chính phát hành.
- Nếu sử dụng gỗ nhóm II.A theo đúng quy định tại Nghị định 18/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) hoặc nhóm 1, nhóm 2 theo Bảng phân loại gỗ tạm thời ban hành kèm theo Quyết định số 2198/CNR thì ngoài các tài liệu cần có như đối với gỗ từ nhóm 3 đến nhóm 8 tại mục A.1 nêu trên phải có thêm lý lịch gỗ của Chi cục Kiểm lâm nơi khai thác gỗ và giấy phép vận chuyển đặc biệt.
- Trường hợp mua lại gỗ tận dụng hoặc gỗ phế liệu đã qua chế biến (tức là gỗ đã qua nhập xưởng) thì ngoài hợp đồng mua bán và hoá đơn của Bộ Tài chính phát hành cần có thêm văn

bản xác nhận nguồn gốc gỗ tận dụng hoặc gỗ phế liệu của Chi cục Kiểm lâm nơi mua gỗ, hoặc nơi doanh nghiệp trú đóng, hoặc nơi gỗ được đưa vào sản xuất.

4. Trường hợp sử dụng ván nhân tạo sản xuất từ gỗ rừng tự nhiên trong nước thì cần có hợp đồng mua bán ván nhân tạo với cơ sở sản xuất, kèm theo hoá đơn của Bộ Tài chính phát hành và văn bản xác nhận của Chi cục Kiểm lâm (nơi cơ sở sản xuất ván nhân tạo trú đóng) về nguồn gốc hợp pháp của ván. Nếu ván mua lại của đơn vị khác thì doanh nghiệp bán phải chịu trách nhiệm về hồ sơ nguồn gốc gỗ hợp pháp và doanh nghiệp mua phải nộp cho cơ quan hải quan hợp đồng, hoá đơn của Bộ Tài chính phát hành.

B. ĐỐI VỚI GỖ RỪNG TRỒNG, GỖ VƯỜN, GỖ CÂY TRỒNG PHÂN TÁN

1. Chỉ được phép sử dụng gỗ rừng trồng, gỗ vườn, gỗ cây trồng phân tán theo quy định tại mục b khoản 2 - Điều 5 của Quyết định 1124/1997/QĐ-TTg ngày 25/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nếu sử dụng gỗ rừng trồng của quốc doanh thì cần có hợp đồng mua bán gỗ và hoá đơn của Bộ Tài chính phát hành. Trong hợp đồng phải ghi rõ nơi lấy gỗ để cơ quan hải quan đối chiếu với quy định tại mục B.1. trên đây.

3. Nếu sử dụng gỗ rừng trồng của dân, của tập thể, gỗ cây trồng phân tán thì cần có xác nhận của UBND xã nơi có gỗ hoặc của cơ quan kiểm lâm nơi gần nhất và biên lai thu thuế sử dụng đất để cơ quan hải quan đối chiếu với quy định tại mục B.1 trên đây.

Nếu sử dụng gỗ vườn thì cần có xác nhận của UBND nơi có gỗ của hoặc của cơ quan kiểm lâm gần nhất và biên lai thu thuế sử dụng đất để cơ quan hải quan đối chiếu với quy định tại mục B.1 trên đây.

4. Danh mục các loại gỗ rừng trồng gỗ vườn, gỗ cây trồng phân tán bao gồm: cao su, bạch đàn, keo các loại, thông, mỡ, bồ đề, téch, xoan, xoài, mít, nhãn, xà cừ, bông gòn, trầm, đước, phi lao. Còn một số loài cây gỗ khác sẽ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra văn bản bổ sung khi cần thiết để sản xuất hàng xuất khẩu.

C. ĐỐI VỚI GỖ NGUYÊN LIỆU NHẬP KHẨU:

1. Chỉ được phép sử dụng gỗ nguyên liệu và ván nhân tạo nhập khẩu vào Việt Nam sau ngày 01/01/1996 để sản xuất, chế biến sản phẩm xuất khẩu.

2. Nếu sử dụng gỗ nguyên liệu nhập khẩu hoặc ván nhân tạo do doanh nghiệp nhập khẩu thì cần nộp cho Hải quan cửa khẩu khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gỗ:

2.1. Đối với trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu gỗ để trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu (không bán lại) thì hồ sơ xuất khẩu sản phẩm gỗ cần có:

Tờ khai hải quan về khối lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu đã được hoàn thành thủ tục hải quan.

Văn bản xác nhận khối lượng gỗ đã nhập xưởng được sử dụng làm sản phẩm xuất khẩu (có nguồn gốc gỗ nhập khẩu hợp pháp theo tờ khai hải quan) của Chi cục Kiểm lâm nơi gỗ được đưa vào sản xuất.

2.2. Đối với các trường hợp mua lại gỗ nguyên liệu hoặc ván nhân tạo nhập khẩu thì doanh nghiệp bán lại phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hồ sơ nguồn gốc gỗ hợp pháp. Doanh nghiệp mua phải có:

Hợp đồng mua bán trong đó ghi rõ khối lượng gỗ mua theo Tờ khai nhập khẩu hải quan nào (số, ngày, tháng, năm).

Văn bản xác nhận sản phẩm được làm từ gỗ nguyên liệu hoặc ván nhân tạo nhập khẩu hợp pháp của Chi cục Kiểm lâm nơi gỗ được đưa vào sản xuất.

3. Trường hợp sử dụng gỗ từ bao bì hàng nhập khẩu thì cần xuất trình bản chính Biên bản tận thu bao bì đã được Chi cục Kiểm lâm sở tại hoặc nơi gần nhất xác nhận gỗ bao bì nhập khẩu hợp pháp. Nếu trường hợp chuyển nhượng cần có thêm hợp đồng mua bán và hoá đơn của Bộ Tài chính phát hành.

D. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH XỬ LÝ VI PHẠM VỀ NGUỒN GỐC GỖ NGUYÊN LIỆU:

Các trường hợp cố tình gian dối, khai man nguồn gốc gỗ nguyên liệu và các hành vi tiếp tay cho việc gian dối, khai man nguồn gốc gỗ nguyên liệu sẽ bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

II. PHÂN BỐ HẠN MỨC GỖ RỪNG TỰ NHIÊN TRONG NƯỚC LÀM HÀNG GỖ MỸ NGHỆ XUẤT KHẨU:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện mục b - khoản 1 - Điều 5 của Quyết định dẫn trên về phân bổ hạn mức gỗ rừng tự nhiên trong nước để làm hàng gỗ mỹ

nghệ xuất khẩu như sau:

Quy định của Chính phủ là:

"Hàng năm, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch khai thác gỗ rừng tự nhiên do Thủ tướng Chính phủ giao, sau khi cân đối nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước, năng lực chế biến hàng gỗ mỹ nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hạn mức gỗ rừng tự nhiên trong nước cho sản xuất sản phẩm gỗ mỹ nghệ xuất khẩu.

Căn cứ hạn mức gỗ rừng tự nhiên cho sản xuất sản phẩm gỗ mỹ nghệ xuất khẩu được duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ hạn mức gỗ rừng tự nhiên cho các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sản xuất sản phẩm gỗ mỹ nghệ xuất khẩu. Trên cơ sở đó, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao hạn mức gỗ cụ thể cho các doanh nghiệp, đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh sản phẩm gỗ mỹ nghệ thuộc ngành, địa phương mình quản lý, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài".

Căn cứ quy định nêu trên, Bộ hướng dẫn việc phân bổ hạn mức gỗ xuất khẩu như sau:

1. Hàng năm các Bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông báo nhu cầu sử dụng gỗ rừng tự nhiên để sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30/9 để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Chính phủ quyết định.

2. Sau khi được Chính phủ phê duyệt hạn mức gỗ rừng tự nhiên sử dụng để làm hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ phân bổ hạn mức này cho các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân có nhu cầu, phù hợp với năng lực sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ của từng ngành, từng tỉnh, thành phố.

3. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ hạn mức do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ, giao hạn mức gỗ cụ thể cho các doanh nghiệp thuộc ngành và địa phương mình quản lý, theo các nguyên tắc sau.

Chỉ giao hạn mức gỗ cho các doanh nghiệp sản xuất hoặc xuất khẩu sản phẩm gỗ thủ công mỹ nghệ có giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc giấy phép chế biến gỗ.

Chỉ giao trong phạm vi hạn mức được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ.

Hạn mức được giao một lần cho các doanh nghiệp.